TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2022/DS-ST
Ngày: 30/3/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Đình Tiến;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2021/DS - ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 728/2022/QĐST- DS ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Trụ sở chính: Số A, đường K, Phường E, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích Thanh T, sinh năm 1980 - đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 185/2021/UQ – TTT ngày 19/3/2021).
Địa chỉ: Số H, đường Q, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Số X, đường C, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Bích Thanh T vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2021 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Bích Thanh T - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/6/2016, ông Trần Văn P ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông Trần Văn P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ tín dụng quốc tế Visa, số thẻ 472075-7505 (sau đây gọi tắt Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/6/2016, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và xác nhận của Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Trần Văn P, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do ông P sử dụng và thanh toán tốt nên căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng thì Ngân hàng đã nâng hạn mức sử dụng thẻ cho ông vào ngày 30/9/2017 lên 17.000.000 đồng và đến ngày 01/11/2018 thì nâng hạn mức lên 31.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 553.204.507 đồng, phí trễ hạn là 2.019.544 đồng, lãi 37.191.855 đồng, phí vượt hạn mức 250.000 đồng, phí 2.076.000 đồng. Tổng cộng là 594.741.906 đồng, ông Trần Văn P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 533.162.608 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Trần Văn P không có thiện chí trả nợ. Do ông Trần Văn P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 01/6/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ đến ngày 01/6/2020 thành nợ gốc là 32.958.170 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc (bằng 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Kể từ ngày 01/6/2020, ông Trần Văn P chỉ phải chịu khoản tiền lãi quá hạn mà không bị tính thêm các loại phí nào khác.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn P thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tính đến ngày 30/3/2022 là 61.579.298 đồng (bao gồm nợ gốc là 32.958.170 đồng và nợ lãi là 28.621.128 đồng). Và ông P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông P có trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng thẻ còn nợ, ngoài ra không yêu cầu ai cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được

ý kiến và tài liệu chứng cứ của ông Trần Văn P đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của các bên và Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Văn P thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tính đến ngày 30/3/2022 là 61.579.298 đồng (bao gồm nợ gốc là 32.958.170 đồng và nợ lãi là 28.621.128 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 31/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về pháp luật tố tụng:*

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn ông Trần Văn P giao kết hợp đồng tín dụng ngày 02/6/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu theo thỏa thuận của các bên.

Căn cứ kết quả xác minh ngày 28/4/2021 của Công an phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 25/31, đường C, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 01/2018, không rõ đi đâu, làm gì. Do đó, có cơ sở xác định địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của ông P là địa chỉ ông P đã từng cư trú mà nguyên đơn biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về pháp luật nội dung:*

2.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng, có chữ ký xác nhận của ông Trần Văn P và đại diện Ngân hàng có cơ sở xác định ngày 02/6/2016 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho ông P với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng (sau đó ngày 30/9/2017 nâng hạn mức lên 17.000.000 đồng và ngày 01/11/2018 nâng lên 31.000.000 đồng), mục đích để tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết hợp đồng tín dụng ngày 02/6/2016 giữa Ngân hàng và ông P là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ Bảng tóm tắt sao kê các giao dịch đã thực hiện qua thẻ tín dụng và Bảng chi tiết giao dịch của khách hàng thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 31/3/2022 với tổng số tiền là 553.204.507 đồng, phí trễ hạn là 2.019.544 đồng, lãi 37.191.855 đồng, phí vượt hạn mức 250.000 đồng, phí 2.076.000 đồng. Tổng cộng là 594.741.906 đồng, ông Trần Văn P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 533.162.608 đồng. Thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng theo lần lượt: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/6/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 32.958.170 đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên dựa theo bảng sao kê lịch sử thanh toán do Ngân hàng cung cấp, không có chứng cứ nào cho thấy ông P đã thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 32.958.170 đồng.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi:

Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ

tín dụng quốc tế K thì tại thời điểm các bên ký hợp đồng mức lãi suất được thỏa thuận đối với tất cả thẻ tín dụng quốc tế K visa phát hành cho khách hàng là 2.15%/tháng. Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S phát hành tại Việt Nam thì từ ngày 15/8/2019 mức lãi suất được quy định đối với thẻ tín dụng quốc tế K visa là 2.6%/tháng. Và tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được áp dụng tại thời điểm hiện tại, tương đương 3.9%/tháng (2.6% x 150%). Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01 tháng 6 năm 2020, Ngân hàng chuyển số nợ gốc chưa thanh toán là 32.958.170 đồng sang nợ quá hạn theo mức lãi suất 3.9%/tháng được tính trên số nợ gốc tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ tạm tính đến ngày 30/3/2022 là 28.621.128 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu ông P có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với ông P thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông P đã sử dụng số tiền vay để phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của ông P.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Văn P thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 30/3/2022 là 61.579.298 đồng (bao gồm nợ gốc là 32.958.170 đồng và nợ lãi là 28.621.128 đồng) và ông P có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu ông P có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với ông P thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông P đã sử dụng số tiền vay để phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của ông P.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Văn P thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 30 tháng 3 năm 2022 là 61.579.298 đồng (bao gồm nợ gốc là 32.958.170 đồng và nợ lãi là 28.621.128 đồng) và ông P có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Bị đơn ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.078.965 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4]. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Trần Văn P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền còn nợ phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/6/2016 giữa ông Trần Văn P và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tính đến ngày 30 tháng 3 năm 2022 là 61.579.298 đồng (Sáu mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm chín mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 32.958.170 đồng và nợ lãi là 28.621.128 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 31/3/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.078.965 (Ba triệu không trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi lăm) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 1.087.457 (Một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0030643 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Trần Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tâm